

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 9- 2020
V/v ly hôn; con chung; công nợ giữa
chị H và AT

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;

2. Ông Lê Ngọc Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị ThAMai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277 /2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “ ly hôn; nuôi con chung; công nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kim Thị H, sinh năm 1989 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: ALeo Văn T, sinh năm 1990 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ngân hàng X.

Trụ sở: Số 169 phố Đ, phường L, quận M, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Ngọc Nga - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L (Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019) “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Kim Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị với ALeo Văn T kết hôn với nhau từ ngày 11/3/2011. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D. Sau khi kết hôn, vợ cH về chung sống với nhau ngay tại thôn C, xã H. Thời gian đầu vợ cH chung sống hòa hợp hạnh phúc, đến năm

2013 vợ cH đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ cH không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ cH sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ cH không còn, mâu thuẫn vợ cH ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với ALeo Văn T.

Về con chung: Vợ cH có 01 con chung cháu Leo Quốc Anh, sinh ngày 08/11/2011. Hiện nay cháu đang ở với AT. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị vẫn để AT trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/ tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng X: Chị xác định vào ngày 22/7/2013 vợ cH chị có vay Ngân hàng X, Phòng giao dịch huyện L (sau gọi tắt là Ngân hàng) số tiền gốc 25 triệu đồng, mục đích vay, lãi suất, số tiền đã trả được như trình bày của Ngân hàng là đúng. Nay chị xác định còn nợ lại Ngân hàng số tiền 12.500.000đồng và tiền lãi đến ngày 18/9/2020 là 2.773.000đồng, phần nợ này là trách nhiệm của chị phải trả vì trong quá trình giải quyết vụ án, AT đã tự nguyện đến Ngân hàng trả phần nợ của AT nên chị đồng ý yêu cầu độc lập của Ngân hàng, trả nốt số tiền nợ trên cho Ngân hàng.

Về tài sản riêng, chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ALeo Văn T: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến giải quyết vụ án cho AT do mẹ AT là bà Hoàng Thị Láo đã nhận thay. Tại biên bản ghi lời khai của bà Láo “bút lục 54” bà Láo xác định, sau khi nhận thay các văn bản của Toà án, bà đã giao lại cho AT. Về mâu thuẫn vợ cH giữa chị H và AT, trong thời gian chung sống bà thấy cH chị H và AT cũng thường xảy ra mâu thuẫn hay bất đồng quan điểm và đã ly thân nhau từ năm 2013 như chị H trình bày là đúng.

Lời khai của cháu Leo Quốc A “bút lục 55” trình bày nguyện vọng của cháu được ở với bố (ALeo Văn T).

Về yêu cầu độc lập:

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng X trình bày:

Vào ngày 22/7/2013, Ngân hàng thông qua phòng giao dịch huyện L, tỉnh Bắc Giang cho vợ cH AT, chị H vay số tiền gốc 25 triệu đồng. Lãi suất 0,6%/tháng. Vay theo diện hộ nghèo. Mục đích vay chăn nuôi. Nay xác định vợ cH chị H còn nợ Ngân hàng tiền gốc 12.500.000đồng và tiền lãi đến ngày 18/9/2020 là 2.773.000đồng. Yêu cầu vợ cH chị H, AT phải thanh toán số tiền này cho Ngân hàng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm thi hành theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, 51, 56, 81,

82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Kim Thị H và ALeo Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Leo Quốc Acho ALeo Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến con đủ 18 tuổi.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng X: Buộc chị Kim Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 12.500.000đ; tiền lãi đến ngày 18/9/2020 là 2.773.000đồng.

Về tài sản riêng, chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Chị H và AT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đảm bảo điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống chị H xác định có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 2013 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Lời khai của bà Hoàng Thị Láo (mẹ AT) cũng xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, AT có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2013 cho tới nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng AT không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị H và AT đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về nuôi con chung:** Chị H, AT có một con chung là cháu Leo Quốc Anh, hiện nay cháu đang ở cùng AT. Chị H đồng ý để AT trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của cháu Quốc A cũng đồng ý ở với bố, vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Quốc A cho AT trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: AT không trình bày quan điểm về việc yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H tự nguyện có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/1 tháng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy nguyện vọng này của chị H đảm bảo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về Tài sản riêng, chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] **Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng X:**

Chị H xác định hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền 12.500.000đồng và tiền lãi đến ngày 18/9/2020 là 2.773.000đồng, tổng cộng 15.273.000đồng là đúng và chị H đồng ý phần nợ này là trách nhiệm của chị H phải trả cho Ngân hàng. Xác định đây là giao dịch hợp pháp, hợp đồng vay tài sản nên cần chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng, buộc chị H phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng theo đúng quy định tại Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

[6] **Về án phí:** Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con; Do yêu cầu độc lập của Ngân hàng được chấp nhận và chị H phải trả nợ Ngân hàng nên chị H phải chịu án dân sự sơ thẩm 5%/ số tiền phải trả Ngân hàng 15.273.000đồng = 763.600đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 27, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 147; Điều 227; 228; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Kim Thị H và ALeo Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ALeo Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Leo Quốc Anh, sinh ngày 08/11/2011. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho đến con đủ 18 tuổi. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng X buộc chị Kim Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc 12.500.000đồng; tiền lãi tính đến ngày 18/9/2020 là 2.773.000đồng. Tổng cộng 15.273.000đ (mười năm triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

4. Về án phí: Chị Kim Thị H phải chịu 1.363.600đ (một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0004840 ngày 22/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị H phải nộp thêm 1.063.600đồng tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh